

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON BẾ NGOAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục Mầm non

Năm học 2021 - 2022

	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	30	Số m²/trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21 (1779m ²)	3.7m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2460.43m²	5.2m²/trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1043.57	2.2m²/trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1391	2.95m ² /trẻ.
2	Diện tích phòng chức năng		
	+ Thể dục:	132m ²	
	+ Âm nhạc:	84m ²	
	+ Vật lý trị liệu (phòng trẻ mệt):	/	
3	Diện tích phòng ngủ (m ²)	75m ² /phòng	2.5 m ² /trẻ.
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	1227.25m ²	
5	Phòng nhân viên	21m ²	
6	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	174m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	15 (Thông tư 02)	01 bộ/ 01 nhóm (lớp)
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) - Máy vi tính - Máy chiếu - Máy in vi tính - Tivi tương tác thông minh - Máy tính bảng	Máy vi tính: 22 Máy chiếu: 1 Máy ảnh kỹ thuật số: 0. Bảng tương tác: 1. Máy in vi tính: 18 Tivi tương tác thông minh: 1 Máy tính bảng: 15	

IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Ti vi		19	1 cái / 1 lớp		
2	Nhạc cụ (Đàn organ 5, ghi ta 1, trống 14)		20			
3	Máy photo		0			
5	Cassette		2			
6	Đầu Video/đầu đĩa		1			
7	Đồ chơi ngoài trời		20			
8	Bàn ghế đúng quy cách		Bàn học sinh: 284 Ghế học sinh: 604 Bàn Giáo viên: 2 Ghế giáo viên: 9	Nhà trẻ: ... bộ. 3-4 tuổi/...bộ/01 lớp 4-5 tuổi/...bộ/01 lớp 5-6 tuổi/...bộ/01 lớp		
9	Thiết bị khác (Âm thanh ngoài trời).....		3 bộ			
		Số lượng (m ²)				
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20	20		0.53 m ² /trẻ (248m ² /343)	 m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Quận 1, ngày 01 tháng 6 năm 2022



Nguyễn Thị Mỹ Phương